NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thướng.**

2. Ông **Nguyễn Văn Tòng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông **Hoàng Đình Lưỡng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 352/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị Thùy D,** sinh ngày 01/11/2005; CCCD số 072305005426, do Cục Cảnh sát cấp ngày 19/4/2021; Địa chỉ: ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang T**, sinh ngày 27/7/2003; CCCD số 072203005271, do Cục Cảnh sát cấp ngày 11/5/2022; Địa chỉ: ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh. Anh T đang chấp hành án tại Trại Giam C, thuộc Bộ C1 (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tạ Thị Thùy D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 03 đến 04 tháng rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2024 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tây Ninh).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của anh T. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân tương đối hạnh phúc, nhưng sau khoảng 01 năm chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị và con, ham chơi, không chăm lo làm ăn. Ngoài ra, anh T còn có hành vi gây rối trật tự, đánh người khác và đã bị Tòa án kết án về các tội "Gây rối trật tự công cộng" và "Cố ý gây thương tích". Hiện nay anh T đang chấp hành hình phạt tù 04 năm 06 tháng tại P, Trại giam C thuộc Bộ C1 kể từ ngày 26/8/2025. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 01/3/2022, số định danh cá nhân 072322005993. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không ai khác nợ lại anh chị.

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/5/2026, bị đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị D về quá trình tìm hiểu, thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn. Anh T thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham chơi, không chăm lo làm ăn, thường xuyên chửi bới gia đình, đánh đập vợ con và có hành vi đánh nhau với người khác ngoài xã hội. Do những hành vi trên, anh T đã bị Tòa án kết án về các tội "Cố ý gây thương tích" và "Gây rối trật tự công cộng", hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam C thuộc Bộ C1. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khi chị D yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị D về việc anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 01/3/2022. Khi ly hôn,

anh T đồng ý giao cháu N cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không ai khác nợ lại anh chị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: (i) Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ đúng theo quy định; Việc cấp, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát được thực hiện đúng thời hạn và quy định; (ii) Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; (iii) Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 01/3/2022 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị D phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị D và bị đơn anh Thanh vắng M và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D và anh T theo

quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2024 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tây Ninh) nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D cho rằng sau thời gian ngắn chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên chửi mắng, đánh đập vợ con, ham chơi, không chăm lo làm ăn. Ngoài ra, anh T còn có hành vi gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác và hiện đang chấp hành hình phạt tù 04 năm 06 tháng tại Trại giam C thuộc Bộ C1 kể từ ngày 26/8/2025. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị D về quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Anh thừa nhận bản thân có nhiều sai phạm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, hiện đang chấp hành án phạt tù và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã kéo dài, nguyên nhân xuất phát từ việc anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chồng, người cha trong gia đình, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình và hiện đang chấp hành hình phạt tù trong thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 01/3/2022. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N. Anh T đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu N còn nhỏ, đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Đồng thời anh T đang chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về điều kiện sinh hoạt, học tập và phát triển toàn diện của cháu N, cần giao

cháu N cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh T đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và không ai nợ lại anh chị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Tạ Thị Thùy D đối với bị đơn anh Nguyễn Quang T. Chị Tạ Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Dương Thanh N, sinh ngày 01/3/2022, số định danh cá nhân 072322005993 cho chị Tạ Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tạ Thị Thùy D không yêu cầu anh Nguyễn Quang T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Quang T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tạ Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tạ Thị Thùy D đã nộp

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006940 ngày 06/4/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12 – Tây Ninh, ghi nhận chị Tạ Thị Thùy D đã nộp xong tiền án phí.

Chị Tạ Thị Thùy D và anh Nguyễn Quang T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Bích V